



# NĂNG LỰC HỌC TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC

TRẦN KHÁNH ĐỨC - Viện Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Bách khoa Hà Nội

Email: kduc1954@yahoo.com

NGUYỄN LỆ HẰNG - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Email: nglehang.90@gmail.com

**Tóm tắt:** Năng lực học tập của sinh viên vừa là kết quả của quá trình đào tạo trong giai đoạn học đại học, vừa là nền tảng để thích ứng với hoạt động nghề nghiệp sau này. Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực là một quá trình đánh giá dựa trên mục tiêu và nội dung học tập nhằm xác định mức độ các năng lực được hình thành ở người học. Việc đánh giá năng lực học tập của sinh viên cần nhận diện đầy đủ về đặc điểm cấu trúc, nội dung năng lực học tập; cách thức, thang điểm và quy trình đánh giá kết quả học tập.

**Từ khóa:** Đánh giá năng lực học tập; đánh giá kết quả học tập; tiếp cận năng lực; sinh viên.

(Nhận bài ngày 14/6/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 04/7/2016; Duyệt đăng ngày 27/9/2016).

## 1. Đặt vấn đề

Nghị quyết 29/NQ-TW về Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục (GD) Việt Nam đã xác định rõ: “Đối với GD đại học (ĐH), tập trung đào tạo (ĐT) nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực (NL) tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học,... Đánh giá (ĐG) kết quả ĐT ĐH theo hướng chú trọng NL phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức; đạo đức nghề nghiệp; NL nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ; NL thực hành, NL tổ chức và thích nghi với môi trường làm việc” [1]. NL học tập (NLHT) của sinh viên (SV) vừa là kết quả của quá trình ĐT trong giai đoạn học ĐH vừa là nền tảng để thích ứng với hoạt động (HĐ) nghề nghiệp sau này. Do đó, vấn đề nhận diện đặc điểm cấu trúc, nội dung NLHT của SV và ĐG kết quả học tập (KQHT) của SV theo tiếp cận NL đã và đang là vấn đề cấp bách.

## 2. Các đặc điểm của hoạt động học tập và năng lực học tập

### 2.1. Học tập và hoạt động học tập

Học tập (HT) là một mặt HĐ cơ bản của quá trình dạy học và là một HĐ mang tính độc lập cao trong quá trình tự học. Theo Từ điển GD học, HT được giải nghĩa là: “Quá trình tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng (KN) dưới sự dạy bảo, hướng dẫn của nhà giáo. HT luôn đi đôi và gắn liền với HĐ giảng dạy của nhà giáo và hợp thành HĐ dạy-học trong lĩnh vực sư phạm” [2; tr. 195].

HĐ HT có các đặc điểm sau: Là một HĐ nhận thức hoặc nhận thức – hành động có tính định hướng cao (mục đích, mục tiêu HT); Chỉ có hiệu quả cao khi xuất hiện nhu cầu, động cơ HT tích cực; Đòi hỏi có sự kết hợp chặt chẽ giữa HĐ tư duy logic và trí tuệ cảm xúc, giữa trí tuệ và tình cảm, giữa nhận thức và hành động; Có tính cá thể cao đồng thời chịu sự tác động, chi phối của môi trường HT; Thể hiện được kết quả và hiệu quả thông qua

quá trình vận dụng vào thực tiễn.

### 2.2. Năng lực và năng lực học tập

Có nhiều quan niệm, định nghĩa khái niệm về NL như: “1/ Khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một HĐ nào đó. 2/ Phẩm chất tâm lí và sinh lí tạo cho con người khả năng hoàn thành một HĐ nào đó với chất lượng cao”. “Khả năng được hình thành và phát triển, cho phép con người đạt được thành công trong một HĐ thể lực, trí lực hoặc nghề nghiệp. NL được thể hiện vào khả năng thi hành một HĐ, thực hiện một nhiệm vụ” [3; tr. 272].

NL bao gồm khả năng đáp ứng được những đòi hỏi/yêu cầu phức tạp qua việc nỗ lực sử dụng tốt các kiến thức, KN, huy động được các nguồn thích hợp và phát huy các đặc trưng tâm-sinh lí của mỗi cá nhân trong từng hoàn cảnh cụ thể. Có thể nói, NL là khả năng tiếp nhận và vận dụng tổng hợp, có hiệu quả mọi tiềm năng của con người (tri thức, KN, thái độ, thể lực, niềm tin...) để thực hiện có chất lượng và hiệu quả công việc hoặc đối phó với một tình huống, trạng thái trong cuộc sống, lao động nghề nghiệp trong các điều kiện, môi trường cụ thể và theo các chuẩn mực nhất định. Có nhiều cách phân loại NL khác nhau, trong đó có các cách phân loại chủ yếu sau:

- NL chung (General Competences): Là những NL cơ bản, thiết yếu hoặc cốt lõi... làm nền tảng cho mọi HĐ của con người trong cuộc sống và lao động nghề nghiệp như: NL nhận thức, NL trí tuệ, NL về ngôn ngữ và tính toán; NL giao tiếp, NL vận động,... Các NL này được hình thành và phát triển dựa trên bản năng di truyền của con người, quá trình GD và trải nghiệm trong cuộc sống.

- NL chuyên biệt (Special Competences): Là những NL riêng được hình thành và phát triển trên cơ sở các NL chung theo định hướng chuyên sâu, riêng biệt trong các loại hình HĐ, công việc hoặc tình huống, lĩnh vực hay

môi trường lao động nghề nghiệp đặc thù, môn học.

NL có thể được phân loại thành các NL thành phần như NL xã hội, NL cá nhân, NL về phương pháp và NL nghề nghiệp. Quá trình lao động nghề nghiệp phân ra các loại NL về ý tưởng-thiết kế, thi công-vận hành; giám sát và ĐG,... Theo Từ điển Tâm lý học: “NLHT đặc trưng được hình thành trong cuộc sống của cá nhân học sinh thể hiện ở những NL lĩnh hội thông tin khoa học, thực hiện HĐ HT, ghi nhớ tài liệu HT, giải quyết nhiệm vụ, thực hiện những dạng kiểm tra HT khác nhau và tự kiểm tra”.

Theo quan điểm HĐ, NLHT chính là những khả năng thực hiện được có hiệu quả các HĐ HT đa dạng (bao gồm cả HĐ tự học) như nghe giảng trên lớp; tìm kiếm và đọc tài liệu; làm bài tập, làm thí nghiệm, thực hành... Các NL HĐ HT trên dựa vào nền tảng của các dạng thức thông minh của mỗi cá nhân. Lí thuyết đa trí tuệ (H. Garner, 1983) đã chỉ rõ tính đa dạng của trí thông minh con người (không chỉ IQ) tạo nên NL nhận thức-hành động trong HĐ HT và lao động nghề nghiệp. Các cấu phần cơ bản, cốt lõi của NLHT là:

**NL tri giác:** Khả năng quan sát và nhận dạng các đặc điểm, đặc tính, các mối quan hệ, các quá trình của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và các HĐ sản xuất-dịch vụ.

**NL thính giác:** Khả năng tiếp nhận và xử lí các nguồn âm thanh, tiếng nói... trong môi trường tự nhiên, HT, giao tiếp xã hội-cuộc sống và lao động nghề nghiệp.

**NL tư duy:** Khả năng phân tích, tổng hợp, suy luận logic; tính toán, khái quát hóa, hệ thống hóa... các vấn đề, quan điểm, sự kiện, hiện tượng...

**NL ngôn ngữ:** Khả năng sử dụng ngôn ngữ như là hệ thống tín hiệu thứ 2 trong các HĐ giao tiếp, diễn đạt, lập luận; thuyết trình, làm bài luận, thuyết phục, lắng nghe, đồng cảm, thể hiện cảm xúc...

**NL thích ứng:** Khả năng nhạy cảm, xử lí linh hoạt tình huống, di chuyển KN để thực hiện các HĐ mới, chia sẻ, biến hóa; phối hợp, làm việc nhóm...

**NL hành động/hành nghề:** Khả năng thực hiện các thao, động tác... sử dụng thành thạo các công cụ, phương tiện, thực hiện công việc, quy trình hành động, kiến tạo sản phẩm; ĐG...

### 3. Đánh giá và đánh giá năng lực học tập

#### 3.1. Khái niệm đánh giá

ĐG là quá trình thu thập thông tin, chứng cứ về đối tượng cần ĐG và đưa ra những phán xét, nhận định về mức độ đạt được theo các thang đo hoặc các tiêu chí được đưa ra trong các tiêu chuẩn hay chuẩn mực. ĐG có thể là ĐG định lượng (quantitative) dựa vào các con số hoặc định tính (qualitative) dựa vào các ý kiến và giá trị.

Theo Từ điển GD học – NXB Từ điển Bách khoa 2001, thuật ngữ ĐG KQHT được định nghĩa như sau: “Xác định mức độ nắm được kiến thức, KN, kĩ xảo của học sinh so với yêu cầu của chương trình để ra”. ĐG KQHT là sự so sánh, đối chiếu kiến thức, KN, thái độ thực tế đạt được ở người học với các kết quả mong đợi đã xác định trong mục tiêu dạy học để tìm hiểu và chuẩn đoán (diagnostic)

trước và trong quá trình dạy-học (formative) hoặc sau một quá trình HT (ĐG kết thúc – summative).

Sản phẩm của HĐ dạy- học, của lao động sư phạm trên lớp học, trong phòng thí nghiệm, xưởng trường, bãi tập... rất đa dạng và phức tạp, khó xác định. Sản phẩm là những người học đã thay đổi ít hoặc nhiều trong phẩm chất và NL của họ sau một thời gian HT nhất định hay đã có các giá trị gia tăng. Đó chính là KQHT của người học.

#### 3.2. Các loại bài kiểm tra và đánh giá năng lực học tập

Dựa vào mục tiêu, nhiệm vụ, chủ đề HT theo các môn học để thiết kế các dạng bài ĐG theo NL sau: Nhận dạng, phân loại và phân tích, nhận xét, giải tích, bình luận,... các sự kiện, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên, xã hội và nghề nghiệp; Xử lí thông tin/tình huống/ giải quyết vấn đề trong kĩ thuật; Tính toán và suy luận logic, vận dụng các quy luật/nguyên lí/lí thuyết khoa học và kĩ thuật; Vẽ và thiết kế, sử dụng các loại tiêu chuẩn/ kí hiệu/quy ước/sơ đồ/hình ảnh/màu sắc/hình khối/kích thước,... trong kĩ thuật; Diễn đạt và lập luận bằng ngôn ngữ nói-viết (bài luận/thuyết trình/trao đổi...) các nội dung kĩ thuật; Phân tích, phân loại, so sánh và vận dụng các phương pháp, công cụ và quy trình kĩ thuật; Thực hiện các thao tác, động tác hành động (vận hành, sửa chữa/bảo dưỡng các dụng cụ, trang thiết bị) [4; tr. 117].

#### 3.3. Các phương pháp đánh giá năng lực học tập

ĐG NLHT của học sinh/SV sử dụng kết hợp nhiều phương pháp ĐG (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, phỏng vấn; thực hành công việc,... Tuy nhiên, trong kiểm tra và ĐG NLHT trên mạng online, các phương pháp chủ yếu được sử dụng là trắc nghiệm khách quan.

**Kiểm tra và ĐG kiến thức:** Mục đích kiểm tra ĐG kiến thức là xác định xem người học đã biết gì, ở mức độ nhận thức nào về các nội dung đã học đặc biệt là NL vận dụng tổng hợp các loại tri thức. Tùy theo mục tiêu HT mà có những mức độ yêu cầu khác nhau từ đơn giản nhất là tái hiện được (kể, mô tả, trình bày) đến áp dụng được, so sánh, phân tích, giải thích, ĐG và sáng tạo... Hệ thống tri thức bao gồm các thành tố cơ bản sau: Tri lí; Tri sự; Tri hành; Tri nhân...

**Kiểm tra và ĐG KN:** Mục đích kiểm tra ĐG KN là xác định xem người học đã làm được gì và ở mức độ nào trong các nội dung đã học. Các KN cơ bản bao gồm: KN tư duy; KN hành động; KN giao tiếp; KN quản lí,... Mức độ yêu cầu người học làm được cũng từ đơn giản nhất là bắt buộc được đến làm đúng, chuẩn xác rồi đến làm nhanh và thành thạo, tự động hoá (kĩ xảo). ĐG KN không chỉ là KN hành động mà còn kết hợp các KN tư duy trong hành động, các KN mềm,...

**Kiểm tra và ĐG thái độ:** Về lĩnh vực thái độ hình thành một nhân cách trong quá trình GD được ĐG thông qua các HĐ của người học trong quá trình tham gia HĐ ở trường lớp, trong các buổi sinh hoạt tập thể và ở các phòng thí nghiệm, các cơ sở thực tập. Các tiêu chí ĐG mức độ biểu hiện về thái độ như sau: Chấp nhận - Đáp ứng - ĐG - Ý thức- Biểu thị tính cách.



3.4. Mô hình đánh giá kết quả học tập theo năng lực

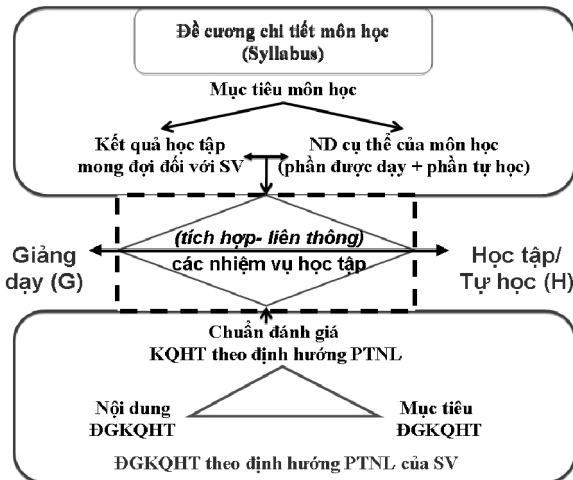
ĐG KQHT theo định hướng phát triển NL được xem như một trong những hướng tiếp cận chủ yếu của ĐG KQHT hiện nay. Theo đó, HĐ này được lồng ghép và gắn bó mật thiết với quá trình dạy học trên cơ sở phân tích có hệ thống những thông tin về KQHT của người học thu được bằng nhiều phương pháp, hình thức và công cụ khác nhau nhằm đưa ra nhận định (Judgement) về mức độ đáp ứng mục tiêu HT của người học theo chuẩn NL. Cách ĐG này có tác dụng xác nhận, điều chỉnh và tạo động lực thúc đẩy sự phát triển NL của SV trong HĐ HT theo các chủ đề.

Chủ đề HT: Là một hình thức thể hiện khác của nội dung môn học, trong đó có sự chọn lọc và liên kết các khối kiến thức, KN thành một cấu trúc tương đối hoàn chỉnh, mang tính khoa học và thực tiễn, thuận lợi cho việc giảng dạy - HT và ĐG KQHT theo định hướng phát triển NL của người học.

Nhiệm vụ HT: Là một đơn vị cấu thành đặc biệt của môn học, được thiết kế trên cơ sở tích hợp ĐG KQHT vào chủ đề HT dưới dạng các công việc mà người học phải thực hiện và hoàn thành trong/sau quá trình HT.

Một số nhiệm vụ HT chủ yếu mà bất kì môn học nào trong chương trình ĐT đều có thể xây dựng và yêu cầu người học thực hiện như: Nhiệm vụ tích lũy tri thức khoa học của môn học; nhiệm vụ rèn luyện NL nhận thức và phẩm chất tư duy; nhiệm vụ rèn luyện các KN HĐ cơ bản; nhiệm vụ rèn luyện các KN thực hành chuyên môn; nhiệm vụ rèn luyện các phẩm chất nhân cách.

Tùy thuộc vào đặc trưng của nhiệm vụ HT, người học phải thực hiện các công việc thiết yếu để hoàn thành một (hay một số) nhiệm vụ HT cụ thể. Nhìn chung, có những công việc sau: Học trên lớp; tự học (học cá nhân độc lập)/làm tiểu luận; làm việc nhóm; thảo luận/thuyết trình/tham gia dự án/HĐ sắm vai/mô phỏng/thực hành/thực tế/thể hiện KN; lưu trữ và minh chứng hồ sơ HT; tự ĐG kết quả thực hiện các nhiệm vụ HT,... Cấu trúc và mối



Hình 1: Các yếu tố cấu trúc trong mô hình ĐG KQHT theo NL

liên hệ giữa các thành tố cơ bản trong mô hình ĐG KQHT theo định hướng phát triển NL (Xem Hình 1).

Điểm mới trong mô hình ĐG KQHT qua môn học theo định hướng phát triển NL được thể hiện qua các nội dung sau:

ĐGKQHT qua MH theo định hướng PTNL của SV

Table with 2 columns: Nội hàm khái niệm ĐGKQHT hiện nay and Điểm nhấn mới/điểm mới. It details the shift from traditional assessment to a focus on learning outcomes and student development.

Hình 2: Mô hình ĐG KQHT theo định hướng phát triển NL

3.5. Các loại thang điểm đánh giá và quy trình đánh giá năng lực học tập của sinh viên theo tiếp cận năng lực

3.5.1. Các loại thang điểm đánh giá

Tuy theo đối tượng, mục đích, tính chất ĐG mà có sự dụng nhiều loại thang ĐG khác nhau. Thông thường có ba hoặc năm trình độ/bậc ĐG được mô tả chi tiết mức độ đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn ở mỗi bậc.

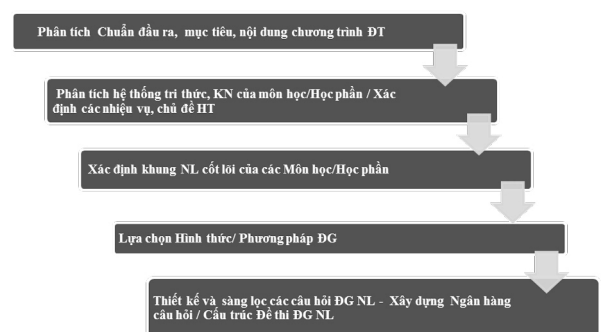
a/ Thang ĐG định danh: Ví dụ: 5. Ưu tú, đạt được tất cả các tiêu chuẩn; 4. Rất tốt, đạt được hầu hết các tiêu chuẩn; 3. Tốt, đạt được một số tiêu chuẩn; 2. Đạt, đạt được một số ít tiêu chuẩn; 1. Kém, Không đạt tiêu chuẩn.

b/ Thang điểm số: Theo điểm số từ 1 đến 5 hoặc đến 10; 100; 1000; 2000;...

c/ Thang điểm chữ: Căn cứ vào quan hệ giữa điểm thô (đúng được 1 điểm, sai được 0 điểm) và số câu hỏi của bài trắc nghiệm. Theo cách xây dựng thang điểm này, ý nghĩa xếp hạng như sau: Làm đúng 95-100% cho điểm (xếp hạng) A (Xuất sắc); 85-94% đạt B (Giỏi); 75-84% đạt C (Khá); 51-74% đạt D (Trung bình); 0-50% đạt F (Không đạt). Thang điểm chữ và phân loại này thay đổi tùy theo các loại hình ĐG khác nhau.

3.5.2. Quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi đánh giá năng lực học tập

Quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi ĐG NLHT



Hình 4: Quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi ĐG NLHT

được thực hiện từ việc phân tích chuẩn đầu ra, mục tiêu, nội dung chương trình ĐT; hệ thống các tri thức, KN của các môn học/học phần; các chủ đề, nhiệm vụ HT... để xây dựng Khung NLHT cốt lõi là cơ sở để thiết kế các câu hỏi, bài tập ĐG KQHT theo NL (Xem Hình 3).

#### 4. Kết luận

HT là một loại hình HĐ cơ bản trong đời sống của mỗi cá nhân. Qua đó, kiến tạo nên các NL cơ bản của mỗi con người nhằm đáp ứng các nhu cầu của từng cá nhân và xã hội. NLHT vừa là kết quả của các giai đoạn HT nhất định vừa là tiền đề để mỗi cá nhân tiếp tục HT ở giai đoạn tiếp theo trong quá trình HT suốt đời. ĐG KQHT theo tiếp cận NL là một quá trình ĐG dựa trên mục tiêu và nội dung HT nhằm xác định mức độ các NL được hình thành ở người học qua một quá trình HT nhất định. Kết quả ĐG KQHT dựa trên NL tạo cơ sở để công nhận một mức trình độ đạt được và khả năng tiếp tục HT sau một

quá trình/ giai đoạn ĐT ở các bậc học trong hệ thống GD quốc dân.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết 29/NQ-TW về *Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- [2]. Bùi Hiền (Chủ biên), (2013), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Văn Lũy-Lê Quang Sơn, (2009), *Từ điển Tâm lý học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [4]. Trần Khánh Đức, (2015), *Năng lực và tư duy sáng tạo trong giáo dục đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [5]. Trần Khánh Đức, (2014), *Giáo dục và phát triển nhân lực trong thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

### STUDENTS' LEARNING COMPETENCY AND OUTCOME ASSESSMENT TOWARDS COMPETENCY

Tran Khanh Duc

*School of Engineering Pedagogy - Hanoi University of Science and Technology*

*Email: kduc1954@yahoo.com*

Nguyen Le Hang - *The Vietnam Institute of Educational Sciences*

*Email: nglehang.90@gmail.com*

**Abstract:** *Students' learning competency is a result of training process at universities and background for students to adapt to professional activities later. Evaluating learning outcomes towards competency is a process to assess learners basing on objective and learning content in order to determine the level of obtained competency. The evaluation of students' learning competency needs to fully identify structural features and contents of learning competency; ways, score balance and process to assess learning outcomes.*

**Keywords:** *Evaluating learning competency; Evaluating learning outcomes; competency-based approach; students.*